

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST.

Ngày: 17/9/2018.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Sỹ Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Bê.

Bà Trần Thị Hồng Phụng.

Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2018/TLST-DS ngày 29/01/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐST-DS ngày 09/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 484/2018/QĐST-DS ngày 24/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **K**, sinh năm 1959.

HKTT: 383 tổ 7, ấp 3, xã T, Tp. H, Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông **A**, sinh năm 1976.

HKTT: 8/2 tổ 10, khu P, thị trấn L, huyện M, Đồng Nai.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Nguyên đơn bà K trình bày:

Bà T, sinh năm 1958 địa chỉ ấp 1, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai và ông B, sinh năm 1951 (đã chết năm 2013) chung sống với nhau vào năm 1988 không đăng ký kết hôn và có hai người con chung là Đ, sinh năm 1991 và C, sinh năm 1995. Trong quá trình chung sống, ông B có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 5.120m² thuộc thửa số 163 tờ bản đồ số 56 xã L, huyện M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 252715 và diện tích đất 6.701m² thuộc thửa số 78 tờ bản đồ số 06 xã L, huyện M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 252716 do UBND huyện M cấp cho ông B. Ngày 17/5/2010, ông B đến Văn phòng công chứng số X tỉnh Đồng Nai ký hợp đồng ủy quyền giao hai giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông A toàn quyền sử dụng. Đến ngày 16/7/2012, ông A sử dụng hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà K để vay 450.000.000đ và ký giấy mượn tiền cùng ngày xác nhận sau khi ông A thanh toán tiền thì bà K sẽ ký công chứng hủy hợp đồng chuyển nhượng nói trên. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng và giấy mượn tiền, bà K đã giao đủ số tiền 450.000.000đ cho ông A. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn vay tiền, ông A chỉ mới trả cho bà được 30.000.000đ tiền lãi và không thanh toán tiền gốc như thỏa thuận.

Ngày 25/4/2014, bà T khởi kiện ông A về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 53/2014/DS-ST ngày 10/9/2014, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tuyên xử: “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc tranh chấp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hợp đồng ủy quyền ngày 17/5/2010 được giao kết giữa ông B và ông A bị vô hiệu; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/7/2012 được giao kết giữa ông A và bà K bị vô hiệu; Bà K phải trả lại cho bà T, anh Đ, chị C bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 252715 và BB 252716 do UBND huyện Long Thành cấp ngày 06/5/2010 mang tên B; Ông A phải trả cho bà K số tiền 450.000.000đ và bồi thường thiệt hại 100.612.500đ”. Tuy nhiên, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 154/2015/DS-PT ngày 25/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã nhận định do bà K không có yêu cầu độc lập, các đương sự không ai yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng cấp sơ thẩm giải quyết là vượt quá yêu cầu khởi kiện và không đúng quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự. Giao dịch vay tài sản giữa bà K và ông A vẫn có hiệu lực, bà K được quyền khởi kiện ông A bằng một vụ án khác để yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên đã tuyên xử: “Hủy hợp đồng ủy quyền ngày 17/5/2010 được giao kết giữa ông B và ông A do vô hiệu; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/7/2012 được giao kết giữa ông A với bà K do vô hiệu; Hủy phần án sơ thẩm về việc giải quyết buộc ông A phải giao trả cho bà K số tiền đã nhận là 450.000.000đ và bồi thường thiệt hại số tiền 100.612.500đ; Bà K được quyền khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản với ông A về số tiền vay 450.000.000đ ngày 16/7/2012 bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu”.

Theo bản án dân sự phúc thẩm số 154/2015/DS-PT ngày 25/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có hiệu lực pháp luật nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Long Thành buộc ông A phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền 450.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/7/2012 đến ngày 16/7/2018 (06 năm) với mức lãi suất 20%/năm và khấu trừ số tiền lãi 30.000.000đ ông A đã trả cho bà. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông A phải thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

[2] Bị đơn ông A:

Đã được Tòa án nhân dân huyện Long Thành triệu tập hợp lệ để làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nhưng ông A vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông A đã được Tòa án nhân dân huyện Long Thành triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Ngày 14/7/2012 K cho ông A vay số tiền 450.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng. Sau khi vay, ông A căn cứ hợp đồng ủy quyền của ông B ủy quyền sử dụng đất thuộc thửa số 163 tờ bản đồ số 56 và thửa số 78 tờ bản đồ số 06 xã L cho ông A để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên cho bà K nhằm mục đích bảo đảm cho khoản vay nói trên. Sau khi bà T là vợ ông B khởi kiện tranh chấp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Tòa án nhân dân huyện Long Thành và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định hủy hợp đồng ủy quyền ngày 17/5/2010 được giao kết giữa ông B và ông A do vô hiệu; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/7/2012 được giao kết giữa ông A với bà K do vô hiệu và dành quyền khởi kiện cho bà K đối với ông A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà K khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông A phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ 450.000.000đ và lãi phát sinh từ ngày 16/7/2012 cho đến nay được tính tròn là 06 năm với mức lãi suất 20%/năm.

Xét thấy, ngày 16/7/2012, ông A có ký hợp đồng vay của bà K số tiền 450.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng. Sau khi vay tiền, ông A đã thanh toán cho bà K được số tiền lãi 30.000.000đ rồi không thanh toán cho đến nay. Bà K khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông A phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc và lãi nói trên là có cơ sở.

Theo đơn khởi kiện, bà K yêu cầu ông A phải chịu lãi suất 20%/năm, tuy nhiên tại phiên tòa bà K chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quyết định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Do đó, chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của bà K với mức lãi suất 9,0%/năm.

Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, buộc ông A phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà K số tiền 450.000.000đ và lãi suất phát sinh tính từ ngày 16/7/2012 đến ngày 16/7/2018 (06 năm) với mức lãi suất 9,0%/năm là 243.000.000đ ($450.000.000đ \times 9,0\% \times 06 = 243.000.000đ$). Tổng cộng, ông A phải thanh toán cho bà K số tiền 693.000.000đ, được trừ số tiền lãi ông A đã thanh toán cho bà K là 30.000.000đ, ông A còn phải trả tiếp số tiền lãi là 213.000.000đ.

Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông A không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về án phí*: Ông A phải chịu 30.520.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.200.000đ theo biên lai thu số 005359 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

[4] *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử khi tiến hành tố tụng đúng quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Bị đơn chưa thực hiện tốt việc tuân theo pháp luật. Về nội dung vụ án: Ông A vay của bà K số tiền 450.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng. Sau khi vay, ông A mới thanh toán cho bà K được khoản tiền lãi 30.000.000đ, việc bà K khởi kiện ông An yêu cầu thanh toán tiền gốc 450.000.000đ và lãi suất theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định.

Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K đối với ông A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông A phải trả cho bà K số tiền 663.000.000đ, trong đó: nợ gốc là 450.000.000đ, nợ lãi là 213.000.000đ. Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông A không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông A phải chịu 30.520.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.200.000đ theo biên lai thu số 005359 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Bà K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND huyện Long Thành.
- Chi cục THA.DS huyện Long Thành.
- Các đương sự.
- Lưu: HS, VP, BP, TP (H).

Mai Sỹ Tuấn